TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH T**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	T, ngày 01 tháng 4 năm 2020

Số: /2020/QĐST - DS

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: Yêu cầu tuyên bố một người mất tích

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T , TỈNH T

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Lê Đăng Tuấn

Thư ký phiên họp: Bà Trần Lê Diệu Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân tham gia phiên họp:

Ông Đỗ Văn Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 37/2019/TLST- DS ngày 18 tháng 11 năm 2019 về việc: Yêu cầu tuyên bố một người mất tích theo Quyết định mở phiên họp số: 01/2020/QĐST - DS ngày 23 tháng 3 năm 2020 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Anh Lê Ngọc T ; Sinh năm 1973

Địa chỉ: Thôn P xã N huyện T , tỉnh T .

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự là anh Lê Ngọc T trình bày:

Anh Lê Ngọc T và chị Nguyễn Thị T chung sống với nhau vào ngày 04/01/1997 có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn. Hai bên chung sống hạnh phúc được 13 năm thì phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau. Tháng 04/2010 chị T bỏ nhà ra đi không rõ địa chỉ. Anh T đã tìm kiếm khắp nơi nhưng không có tin tức gì của chị T . Hiện nay anh T không biết chị T ở đâu, làm gì, còn sống hay đã chết. Anh T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T

tuyên bố chị Nguyễn Thị T , sinh năm 1973, nơi cư trú cuối cùng trước khi biệt tích: Thôn P xã N , huyện T , tỉnh T , là người mất tích.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Thị Ngọc T , sinh ngày 25/8/1997 và cháu Lê Thị T , sinh ngày 09/11/1999.

Hiện nay cả hai con chung đều đã thành niên.

- Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp và thư ký phiên họp kể từ khi thụ lý việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra Quyết định giải quyết việc dân sự là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra Quyết định giải quyết việc dân sự là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện T áp dụng điều 68 Bộ luật dân sự và các điều 369; 370; 371; 372; 389 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu của anh Lê Ngọc T , tuyên bố chị Nguyễn Thị T là người mất tích.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện T nhận định:

[1]. Yêu cầu của anh Lê Ngọc T là có căn cứ được chấp nhận Tại vì: Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì chị T đã bỏ đi biệt tích gần 10 năm. Anh T đã tìm kiếm khắp nơi trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng vẫn không có tin tức gì về chị T cụ thể: Tại Báo nhân dân số 23411 ngày 21/11/2019 đăng phát lần đầu tiên và 02 số liên tiếp là 23412 ngày 22/11/2019 và 23413 ngày 23/11/2019; Đài tiếng nói Việt Nam phát thanh vào hồi 17h 30 phút trong các ngày liên tiếp 22, 23, 24/11/2019. Do đó yêu cầu của anh T về việc tuyên bố chị Nguyễn Thị T là người mất tích và ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quy định tại điều 68 Bộ luật dân sự.

Tòa án căn cứ vào điều 68 Bộ luật dân sự; Căn cứ điều 369; 370; 371; 372; 389 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu của anh Lê Ngọc T ; Tuyên bố chị Nguyễn Thị T là người mất tích

[2] Về con chung và tài sản không yêu cầu nên không xét.

[3] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh T phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ điều 68 Bộ luật dân sự; Các điều 369; 370; 371; 372; 389 Bộ luật tố tụng dân sự

- Tuyên bố: Chị Nguyễn Thị T , sinh năm 1973; Nơi cư trú cuối cùng trước khi biệt tích: Thôn P xã N , huyện T , tỉnh T , là người mất tích.

- Lệ phí giải quyết việc dân sự: Căn cứ điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 điều 37 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm,thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Buộc anh Lê Ngọc T phải chịu 300.000đ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng lệ phí theo biên lai thu số AA/2017/0004764 ngày 18/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

- Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu có quyền kháng cáo Quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra Quyết định; Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị Quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị Quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận :
- VKSND;
- THA Dân sự;
- Đương sự;
- UBND xã N , huyện T , tỉnh T
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Lê Đăng Tuấn